TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HSST;

Ngày: 03 tháng 01 năm 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Đức**;

2. Ông **Huỳnh Thanh Minh**;

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Đan D, sinh ngày 02/01/1990; Nguyên quán: tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn N, sinh năm: 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1965; Chồng: Lê Thành Ú, sinh năm: 1986, Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án Không; Tiền sự: Không.

Họ và tên: Lê Thành Ú, sinh ngày 25/3/1986; Nguyên quán: tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thành T, sinh năm 1945. Con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1947; Vợ: Nguyễn Thị Đan D, sinh năm: 1990, Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án Không; Tiền sự: Không.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phan Thị X, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trương Văn N, sinh năm: 1962; (Có mặt)

Địa chỉ: 9 đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thị C, sinh năm: 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng: Ông Lưu Văn Đ, sinh năm: 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 55 phút ngày 24/02/2023, chị Phan Thị X đi từ nhà tắm ra thì phát hiện 01 xe mô tô hai bánh hiệu Honda Vision, biển số 63B7-674.84 của chị X để ở trong nhà bị mất. Chị X đi ra phía trước cổng thì nhìn thấy bị cáo Nguyễn Thị Đan D (Bé) cùng với ông Trương Văn N đang đứng trước cổng nhà của chị X. Lúc này, chị X hỏi D "Bé, mày lấy xe của tao hả?" thì bị cáo D trả lời "Ừ, tao lấy xe của mày rồi", nói xong bị cáo D lên xe cho ông N chở đi về. Sau đó, chị X đến Công an trình báo sự việc.

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn Thị Đan D đã khai nhận cùng với chồng là bị cáo Lê Thành Ú đến nhà của chị X để đòi lại số tiền mà chị X đã vay của mẹ D. Khi đến nơi, bị cáo Ú đứng trước nhà, còn bị cáo D vào trong nhà chị X nhưng không thấy chị X ở nhà, bị cáo D chỉ nhìn thấy con của chị X đang ngồi chơi trên xe mô tô hai bánh, hiệu Honda Vision, biển số 63B7-674.84, nên bị cáo D dẫn xe mô tô này ra cho bị cáo Ú chạy đi về nhà với mục đích giữ xe để cho chị X trả tiền đã vay.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B7-674.84; 03 (ba) tờ T2 mệnh giá 1.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) giấy căn cước công dân do Phạm Thị X1 đứng tên; 01 (một) giấy căn cước công dân do Dương Văn R đứng tên; 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 63K6-5790.

Kết luận định giá tài sản 32/KL-HĐĐG ngày 24/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G thì 01 (một) xe mô tô hai bánh, biển số 63B7-674.84, nhãn hiệu Honda, số loại: Vision, màu sơn: xanh đen ghi, số máy: JK03E5370084, số khung: RLHJ0315NZ033131, ngày đăng ký: 16/5/2022 có giá 36.400.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như Cáo trạng Viện kiểm sát nêu là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 67/CT-VKSGCĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú về tội "trộm cắp tài sản'' theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

+ Căn cứ: khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đan D từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Ú từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để chấp hành án.

* Về vật chứng: Đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Thị X đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đ1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung:*

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú là thanh niên có đầy đủ sức khỏe, năng lực hành vi và ý thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì không hiểu biết pháp luật hành vi lén lấy tài sản của bị hại nhằm mục đích để thu hồi nợ mà chị X đã vay của mẹ các bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo D, bị cáo Ú thừa nhận đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe môtô của chị X. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến gì về việc định giá và thống nhất với giá của Hội đồng định giá đã định. Từ những phân tích trên đã đủ cơ sở truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về phân hóa vai trò thực hiện hành vi phạm tội thì thấy bị cáo D là người trực tiếp vào nhà chị X dẫn xe ra ngoài cho bị cáo Ú chạy đem xe về nhà nên giữa 02 bị cáo là đồng phạm giữ vai trò ngang nhau.

2. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được luật pháp Nhà nước bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của bị cáo D, bị cáo Ú thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

4. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Đan D và bị cáo Lê Thành Ú thực hiện hành vi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

5. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Thị X đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G đã trao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

7. Đối với ông Trương Văn N do không biết việc bị cáo D và bị cáo Ú đã trộm xe mô tô hai bánh của chị X nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là có cơ sở.

Qua ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát huyện Gò Công Đ1 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[I] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú cùng phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

[II] Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Đan D 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản'' nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 03 tháng 01 năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Ú 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản'' nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 03 tháng 01 năm 2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đan D, bị cáo Lê Thành Ú cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[III] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

[IV] Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

[V] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Đan D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Lê Thành Ú phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

[VI] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Cơ quan THA.HS huyện Gò Công Đông
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt Hồng